

Bản án số: 24/2022/HS-ST
Ngày 13-12-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẠM TẤU, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Đăng Quỳnh;
2. Ông Giàng A Tạng.

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quang Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2022/TLST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2022, đối với bị cáo:

Hoàng Văn T, sinh ngày 11 tháng 02 năm 1966, tại xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú thôn K, xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ học vấn 5/10; dân tộc Kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Hoàng Văn T (đã chết) và bà Bùi Thị T (đã chết); vợ Nguyễn Thị Thuý H, sinh năm 1980, có 04 con; tiền án không, tiền sự 01: Ngày 25-8-2021 bị Công an huyện T ra quyết định số 24/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác; nhân thân: Ngày 18-9-1987 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là huyện T, tỉnh Phú Thọ) xét xử 12 tháng tù về tội “*Làm nhục người khác*”; ngày 16-3-1989 bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc (nay là tỉnh Phú Thọ) xét xử 03 năm tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách là 05 năm về tội “*Cướp tài sản của công dân*”; ngày 29-11-1991 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử 09 năm tù về tội “*Cướp tài sản của công dân*”; ngày 28-6-2001 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử 02 năm tù về tội “*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*”; tạm giữ từ ngày 18-10-2022; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện M, tỉnh Lào Cai từ ngày 27-10-2022; “*Có mặt*”.

- *Bị hại*: Chị Lương Thị N, sinh năm 1969; nơi cư trú thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái. “Vắng mặt”.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Chị Nguyễn Thị Thuý H, sinh năm 1980; nơi cư trú thôn K, xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái. “Vắng mặt”.

- *Người làm chứng*: Hoàng Tiến Đ, sinh năm 1999; nơi cư trú thôn H, xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái. “Vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 04-6-2022, Hoàng Văn T đến quán bán hàng tạp hoá của chị Lương Thị N ở thôn H, xã T, huyện T; T mua của chị N 01 bao thuốc lá với giá 12.000 đồng, T đưa cho chị N 500.000 đồng. Chị N lấy một sấp tiền có mệnh giá từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng để trên mặt bàn cạnh chỗ chị N đứng và cúi xuống tìm tiền lẻ để trả lại cho T, thấy vậy T tiến lại gần và nói cho em tiền này, T nhanh tay lấy được 02 tờ tiền 500.000 đồng và 01 tờ tiền 200.000 đồng, rồi cất giấu vào trong túi quần T đang mặc. Chị N không phát hiện T lấy tiền của mình và vẫn trả lại số tiền thừa cho T là 488.000 đồng, T cầm tiền chị N trả và đi về.

Tại Bản kết luận giám định số 317/KL-KTHS, ngày 15-6-2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Yên Bái đã kết luận: Số tiền 809.000 đồng gửi giám định đều là tiền do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành.

Bản cáo trạng số 20/CT-VKS-TT ngày 22-10-2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu đã truy tố bị cáo: Hoàng Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận đã có hành vi trộm cắp tài sản số tiền 1.200.000 đồng như cáo trạng truy tố; bị cáo đã bồi thường cho bị hại 1.200.000 đồng; số tiền 809.000 đồng bị cáo và vợ bị cáo nộp cho cơ quan điều tra, bị cáo xin lại và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả cho vợ bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hoàng Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173, điểm b, điểm h, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T từ 06 (*sáu*) tháng đến 09 (*chín*) tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Vật chứng và tài sản bị tạm giữ: Áp dụng điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tiêu huỷ 02 (*hai*) vỏ phong bì đã mở niêm phong.

Trả lại Nguyễn Thị Thuý H số tiền 809.000 (*tám trăm linh chín nghìn*) đồng, đã được niêm phong.

Trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận đủ số tiền, không yêu cầu bồi thường gì thêm. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo T phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Đã biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật; bị cáo bị bệnh hiểm nghèo là viêm gan C, nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trạm Tấu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở kết luận:

Sáng ngày 04-6-2022, tại quán tạp hoá của chị Lường Thị N thuộc thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái; trong khi mua thuốc lá, Hoàng Văn T đã lợi dụng sơ hở của chị N khi đếm tiền thừa để trả lại, T đã lén rút của chị N số tiền 1.200.000 đồng (gồm 02 tờ tiền 500.000 đồng và 01 tờ tiền 200.000 đồng) để trên mặt bàn rồi cất giấu vào trong túi quần đang mặc.

Hành vi trộm cắp 1.200.000 đồng của Hoàng Văn T chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, nhưng do ngày 25-8-2021 T đã bị Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác, tính đến ngày bị cáo trộm cắp tiền của chị N (04-6-2022) chưa hết thời gian để được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Vì vậy, hành vi của Hoàng Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm Trộm cắp tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Hoàng Văn T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức rõ việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm

pháp luật, nhưng do vụ lợi nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản.

Hành vi mà bị cáo thực hiện đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản được pháp luật hình sự bảo vệ; đồng thời làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương.

[3] Xét nhân thân: Bị cáo là người đã bị Tòa án xét xử 04 lần, trong đó có 02 lần về hành vi chiếm đoạt tài sản, nhưng vẫn tái phạm. Nên xác định bị cáo là người có nhân thân xấu tại địa phương.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; ngay sau khi hành vi bị phát hiện bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; trong quá trình điều tra bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm h, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Tuy tội phạm bị cáo T thực hiện là ít nghiêm trọng, bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhưng bị cáo có nhân thân xấu, hiện bị cáo đang bị tạm giam về hành vi chiếm đoạt tài sản thực hiện tại huyện M, tỉnh Lào Cai, nên cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục riêng bị cáo đồng thời răn đe, phòng ngừa chung.

[6] Hình phạt bổ sung: Bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản gì có giá trị, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Vật chứng của vụ án:

- Đối với 02 vỏ phong bì Cơ quan điều tra sử dụng để niêm phong vật chứng. Xét không còn giá trị sử dụng nên tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Số tiền 609.000 đồng tạm giữ của Hoàng Văn T và 200.000 đồng tạm giữ của Nguyễn Thị Thuý H. Bị cáo đã bồi thường toàn bộ tiền cho bị hại, tại phiên tòa bị cáo xin lại tiền và đề nghị trả lại toàn bộ số tiền cho vợ bị cáo. Xét thấy bị cáo đã bồi thường toàn bộ cho bị hại, nên Hội đồng trả lại cho gia đình bị cáo số tiền 809.000 đồng.

[8] Trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường toàn bộ cho người bị hại trong quá trình điều tra người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm, nên về trách nhiệm dân sự không đặt ra để giải quyết.

[9] Về án phí và các vấn đề khác

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Đối với Hoàng Tiến Đ là người đã chở T từ nhà đến thôn H, xã T; quá trình điều tra xác định Đ không biết việc T trộm cắp tài sản và T cũng không chia tiền cho Đ, nên hành vi Đ chở T đi không vi phạm pháp luật.

Đối với Hoàng Thị Thuý H là vợ bị cáo, khi bị cáo đưa cho chị H 200.000 đồng, bị cáo không nói là tiền do phạm tội mà có, nên hành vi của chị H không cấu thành tội phạm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tội danh: Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; điểm b, điểm h, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 09 (*chín*) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18-10-2022.

3. Vật chứng và tài sản bị tạm giữ:

Áp dụng điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tiêu huỷ 02 (*hai*) vỏ phong bì đã mở niêm phong.

Trả lại Nguyễn Thị Thuý H số tiền 809.000 (*tám trăm linh chín nghìn*) đồng, đã được niêm phong trong hai phong bì do phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái phát hành.

(đặc điểm của vật chứng và tài sản như mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng ngày mùng 9 và ngày 28-11-2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trạm Tấu và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trạm Tấu)

4. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo T phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ; người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trạm Tấu;
- Công an huyện Trạm Tấu;
- T.H.A Dân sự huyện Trạm Tấu;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Toà án Mường Khương;
- Bị cáo, Bị hại;
- UBND xã H, huyện T;
- Lưu: Hs, TA, THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Vũ Xuân